



SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THỨ BẬC MỜ (FAHP) ĐỂ XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC DU LỊCH TỈNH QUẢNG BÌNH

Phạm Xuân Hùng*, Nguyễn Mạnh Hùng, Hoàng Thị Kim Thoa, Phan Thị Kim Tuyến

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Phạm Xuân Hùng <pxhung@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 10-7-2022; Ngày chấp nhận đăng: 17-2-2023)

Tóm tắt. Nghiên cứu này nhằm mục đích xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình. Trên cơ sở sử dụng nguồn số liệu thu thập từ các chuyên gia, nhà quản lý, chủ doanh nghiệp du lịch tại địa phương và phương pháp phân tích thứ bậc mờ (FAHP), kết quả nghiên cứu cho thấy ba yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến quyết định của các nhà đầu tư vào lĩnh vực du lịch ở tỉnh Quảng Bình bao gồm: Chất lượng nguồn nhân lực, khả năng tiếp cận đất đai để mở rộng cơ sở kinh doanh và vị trí địa lý. Các yếu tố có tầm quan trọng tiếp theo là tiềm năng thị trường (liên kết sản phẩm du lịch), cơ sở hạ tầng giao thông và thủ tục hành chính công. Nhóm yếu tố liên quan đến lợi thế chi phí được đánh giá có mức độ ảnh hưởng thấp nhất do ít có sự khác biệt về chi phí giữa các địa bàn đầu tư ở khu vực miền Trung. Kết quả phân tích trong nghiên cứu này cho thấy tầm quan trọng phải nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển du lịch, tăng cường đào tạo nhân lực và hoàn thiện môi trường dịch vụ hành chính công để thu hút đầu tư vào du lịch ở tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới.

Từ khóa: thu hút đầu tư, du lịch, FAHP, Quảng Bình

The application of fuzzy analytic hierarchy process (FAHP) to investigate factors influencing investment decision in tourism sector in Quang Binh province

Pham Xuan Hung*, Nguyen Manh Hung, Hoang Thi Kim Thoa, Phan Thi Kim Tuyen

University of Economics, Hue University, 99 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Pham Xuan Hung <pxhung@hueuni.edu.vn>

(Received: July 10, 2022; Accepted: February 17, 2023)

Abstract. This study aims to identify the key factors that influence investors' decision to invest in the tourism sector in Quang Binh province. Based on the survey data from the experts, local authorities and the owners

of local tourism companies and FAHP approach, the study indicates that the first three important factors that influence the decision of investors in tourism sectors in the Quang Binh province are the quality of human resources, the ability to get land for expanding business activities and the advantages of location. The following important factors are market potential (tourism product linkages), transport infrastructure and public administrative service. The cost advantage factor has the lowest influence because there is little difference in production cost among locations in the Central region in Vietnam. The results of this study suggest that the importance of improving the quality of tourism development planning, strengthen human resource training and improve the public administrative service in order to attract more investment in tourism sector in Quang Binh province.

Keywords: investment attraction, tourism, FAHP, Quang Binh

1 Đặt vấn đề

Quảng Bình được đánh giá là địa phương có nhiều lợi thế và tiềm năng để phát triển du lịch, với sự đa dạng các hang động thuộc Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, có nhiều bãi biển đẹp và văn hóa bản địa đặc sắc. Những lợi thế đó đã đưa Quảng Bình trở thành một trong những điểm đến du lịch hấp dẫn của miền Trung và cả nước [1]. Năm 2019, số lượng khách du lịch đến Quảng Bình đạt 5 triệu lượt khách (tăng 51,52% so với 2017), trong đó có 270 nghìn lượt khách quốc tế; tổng doanh thu du lịch năm 2019 đạt 5,7 nghìn tỷ đồng [2].

Tuy nhiên, những kết quả trên chưa tương xứng với những lợi thế và tiềm năng về tài nguyên du lịch của tỉnh. Phần lớn du khách đến Quảng Bình chủ yếu là khách nội địa (chiếm khoảng 95% tổng lượt khách đến thăm quan du lịch trong giai đoạn 2017–2019), thời gian lưu trú ngắn (bình quân khoảng 1,1 ngày) và mức chi tiêu thấp [3]. Hơn nữa, hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch còn hạn chế, hệ thống giao thông kết nối yếu; thiếu nhiều điểm vui chơi giải trí dành cho khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế và khách du lịch có khả năng chi trả cao. Những hạn chế này bắt nguồn từ nguyên nhân cốt lõi đó là Quảng Bình đang thiếu những nhà đầu tư lớn để triển khai thực hiện các dự án du lịch trọng điểm mang tính đột phá và tạo sức lan tỏa cho ngành du lịch phát triển.

Thực tế cho thấy, tỉnh Quảng Bình đã thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, ban hành các chính sách thu hút nhằm kêu gọi các nhà đầu tư uy tín vào lĩnh vực du lịch, nhưng kết quả chưa đạt được như kỳ vọng. Điều này đã được chỉ ra trong Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2021–2025: quy trình thủ tục đầu tư còn phức tạp, quá trình hỗ trợ doanh

ngành gặp nhiều khó khăn do sự phối hợp giữa nhiều cấp, nhiều ngành thiếu đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư; quy mô các dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch hiện nay vẫn còn nhỏ, tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện thấp, nhiều dự án chậm triển khai [3]. Đặc biệt, đến nay Quảng Bình vẫn chưa thu hút được các dự án du lịch đến từ các nhà đầu tư quốc tế. Theo số liệu thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2015–2020, Quảng Bình đã phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án của nhà đầu tư trong nước về lĩnh vực dịch vụ du lịch với tổng mức đầu tư khoảng 18.369,57 tỷ đồng. Tuy vậy, lũy kế vốn đầu tư thực hiện các dự án du lịch trong giai đoạn này chỉ đạt khoảng 20% so với vốn đăng ký.

Có thể cho rằng, chủ đề thu hút đầu tư nói chung và đầu tư vào lĩnh vực du lịch nói riêng đã được nhiều học giả và nhà khoa học quan tâm nghiên cứu ở trong nước, nhưng hầu hết các nghiên cứu này thường tập trung ở các vùng, trung tâm du lịch trọng điểm, trong khi rất ít nghiên cứu được thực hiện ở những địa phương có sức hấp dẫn kém đối với các nhà đầu tư do xuất phát điểm thấp về phát triển du lịch cũng như hạn chế về điều kiện cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, ... điển hình là khu vực miền Trung, trong đó có tỉnh Quảng Bình. Do vậy, việc nghiên cứu, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch hoàn toàn mang tính cấp thiết đối với tỉnh Quảng Bình nhằm tìm ra giải pháp thu hút các nhà đầu tư có năng lực và triển vọng, góp phần khai thác hiệu quả các nguồn lực của địa phương. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra, nhóm nghiên cứu tiếp cận quy trình phân tích thứ bậc mờ FAHP (Fuzzy Analytic Hierarchy Process) nhằm ước lượng trọng số ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình, làm cơ sở để xuất các gợi ý chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao khả năng thu hút vốn đầu tư phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới.

2 Cơ sở lý thuyết

Đã có nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, khả năng thu hút vốn đầu tư nói chung và thu hút vốn đầu tư vào lĩnh vực du lịch nói riêng luôn chịu tác động tích hợp bởi nhiều yếu tố khác nhau. Phần lớn các nghiên cứu đã tiếp cận phân tích trên giác độ môi trường đầu tư theo lý thuyết marketing địa phương. Theo Feng và Jing, môi trường đầu tư được cấu thành bởi 2 nhóm yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp, bao gồm: yếu tố “cứng”, đó là những yếu tố vật chất như tài nguyên thiên nhiên và năng lượng, hạ tầng viễn thông; và nhóm yếu tố “mềm” như các yếu tố phi vật chất (kinh tế, chính trị, pháp lý, quản lý và vấn đề văn hóa xã hội) [4].

Khi nghiên cứu về quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư xây dựng khách sạn phục vụ khách du lịch quốc tế đến Đài Loan, Chou và cs. đã lựa chọn phân tích 4 nhóm yếu tố chủ yếu gồm: Điều kiện tự nhiên; hệ thống giao thông; đặc điểm khách sạn; nguồn nhân lực, đất đai và hệ thống luật pháp [5].

Elroy và cs. đã đánh giá môi trường đầu tư vào lĩnh vực du lịch tại vùng Calabarzon, Philipin với 3 yếu tố chính (factors), gồm các yếu tố kinh tế vĩ mô (Macro factors); quản trị công; và cơ sở hạ tầng. Để đánh giá yếu tố kinh tế vĩ mô, Elroy và cs đã bổ sung thêm 5 yếu tố phụ (sub-criteria) gồm: Giá cả hàng hóa dịch vụ; nguồn cung lao động; dịch vụ ngân hàng; hệ thống cơ sở lưu trú; vai trò của cộng đồng địa phương. Đối với yếu tố quản trị công, nhóm tác giả đã đi sâu phân tích 4 yếu tố phụ liên quan đến những vấn đề như chính sách thu hút đầu tư; an ninh an toàn điểm đến; chính sách bảo tồn di sản và bảo vệ môi trường; trách nhiệm của chính quyền địa phương. Yếu tố cơ sở hạ tầng được đánh giá dựa trên những tiêu chí như: Hệ thống giao thông, điện và viễn thông; cơ sở vui chơi giải trí; sự sẵn có cửa hàng mua sắm [6].

Liu và cs. cũng tiếp cận khía cạnh môi trường đầu tư để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào các khu du lịch nghỉ dưỡng tổng hợp tại Đài Loan. Theo đó, môi trường đầu tư được cấu thành bởi 3 yếu tố chính và có ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư, gồm chính sách và quy định của chính quyền; rủi ro chính trị và xã hội; hỗ trợ cộng đồng. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng bổ sung thêm các yếu tố khác để đưa vào phân tích như cơ sở hạ tầng, vị trí địa lý, quy mô thị trường, lao động và nhóm yếu tố tài chính [7].

Ở trong nước, Tiến và cs. đã chỉ ra những yếu tố tác động tích cực tạo nên sự thành công trong thu hút vốn đầu tư vào lĩnh vực du lịch của tỉnh Bình Phước, đó là việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cải cách thủ tục hành chính, xây dựng các chính sách ưu đãi nhà đầu tư [8].

Tương tự, dựa trên khung lý thuyết và nghiên cứu tổng quan tài liệu, Huyền và cs. đã lựa chọn nghiên cứu 5 nhóm nhân tố tác động đến thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước để phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa, bao gồm: (1) Tài nguyên du lịch; (2) Chính sách huy động vốn của chính quyền địa phương; (3) Cơ sở hạ tầng; (4) Chính trị - xã hội địa phương; (5) Kinh tế địa phương [9].

Tóm lại, các nghiên cứu trên đây đã cung cấp cơ sở lý thuyết để nhóm tác giả đề xuất thang đo đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình. Về phương pháp nghiên cứu, nhiều tác giả trước đây đã sử dụng các phương pháp truyền thống như thống kê mô tả [6, 8], phân tích nhân tố khám phá [9]. Đặc biệt,

một số nghiên cứu đã tiếp cận kỹ thuật phân tích đa tiêu chí để xác định trọng số ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch, điển hình như nghiên cứu của Liu và cs. [7] sử dụng phương pháp phân tích thứ bậc AHP (Analytic Hierarchy Process); Chou, Hsu và Chen [5] với phương pháp thứ bậc mờ FAHP (Fuzzy Analytic Hierarchy Process). Bởi vì các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch là khá rộng và phức tạp, liên quan đến nhiều khía cạnh khác nhau nên việc sử dụng phương pháp phân tích thứ bậc mờ FAHP sẽ cho phép giải quyết được các vấn đề phức tạp khi có nhiều yếu tố và tình huống không chắc chắn.

3 Phương pháp nghiên cứu

3.1 Xây dựng thang đo đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình

Để xây dựng thang đo đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình, nghiên cứu này thực hiện 2 bước: 1) Nghiên cứu tổng quan tài liệu; và 2) Nghiên cứu khám phá bằng phương pháp định tính (phỏng vấn chuyên sâu với cán bộ quản lý ngành du lịch tại Sở Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình và đại diện một số doanh nghiệp lữ hành, lưu trú), cụ thể:

Thứ nhất, dựa vào kết quả nghiên cứu tổng quan tài liệu, tác giả đề xuất thang đo đánh giá các yếu tố ảnh hưởng gồm các yếu tố chính và các yếu tố phụ cấu thành nên yếu tố chính. Theo đó, thành phần thang đo các yếu tố ảnh hưởng được đưa vào phân tích trong nghiên cứu này bao hàm cả những yếu tố “cứng” và yếu tố “mềm” theo quan điểm của Feng và Jing [4], đồng thời phản ánh những yếu tố cấu thành môi trường đầu tư nội tại của địa phương tiếp nhận đầu tư [7, 6]. Điều này có nghĩa rằng, thang đo đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình được tác giả tiếp cận từ góc độ môi trường đầu tư của địa phương tiếp nhận đầu tư, bao hàm các yếu tố chủ quan (cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, chính sách địa phương, ...) và yếu tố khách quan (vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên du lịch, ...).

Thứ hai, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu đối với các cán bộ quản lý và đại diện một số doanh nghiệp để thảo luận, cho ý kiến nhận xét, đánh giá từng yếu tố chính và yếu tố phụ có ảnh hưởng đến quyết định đầu tư vào lĩnh vực du lịch tại Quảng Bình. Sau khi ghi chép, phân loại và sàng lọc, tác giả cấu trúc các ý kiến nổi trội để xây dựng thang đo đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình.

Trên cơ sở xác định các thành phần thang đo, tác giả tiến hành thiết kế bảng hỏi định lượng và thực hiện phỏng vấn thử đối với một số doanh nghiệp điển hình nhằm thu thập thêm các ý kiến tham vấn từ người trả lời phỏng vấn, từ đó hiệu chỉnh lại thang đo lần cuối trước khi tiến hành điều tra chính thức. Trong quá trình phỏng vấn thử, tác giả cũng đặt ra nhiều câu hỏi mở cho người tham gia trả lời phỏng vấn đánh giá, nhận xét và cho ý kiến về thang đo, trong đó có sử dụng câu hỏi: *Đôi với yếu tố "... Anh (Chị) có nhận thấy sự bất hợp lý hay không? Có phù hợp với thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình không?*". Với cách thức này, tác giả đã nhận được các ý kiến góp ý của doanh nghiệp về những yếu tố không hợp lý hoặc chưa phù hợp với thực tiễn tại địa bàn nghiên cứu, từ đó cấu trúc và hiệu chỉnh lại thang đo. Kết quả có 6 yếu tố chính (Factors) và 26 yếu tố phụ (Sub-Criteria) đưa vào nghiên cứu.

Bảng 1. Thang đo đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình

Yếu tố chính/yếu tố phụ	Yếu tố chính/yếu tố phụ
1. Vị trí địa lý và tài nguyên Vị trí địa lý của địa phương Điều kiện thời tiết, khí hậu Điều kiện đất đai mở rộng cơ sở KD DL Khả năng tiếp cận nguồn tài nguyên DL	4. Nhân lực du lịch Khả năng cung ứng LĐ có tay nghề Khả năng cung ứng lao động phổ thông Sự dễ dàng trong tuyển dụng LĐ du lịch
2. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội CSHT giao thông DL (sân bay, đường sá) Hệ thống CSHT (điện, nước, VT, ngân hàng) Nguồn cung ứng nguyên liệu cho SX/KD DL Vấn đề an ninh, an toàn điểm đến	5. Lợi thế về chi phí Lợi thế về chi phí lao động Lợi thế về giá các yếu tố NL đầu vào Lợi thế về chi phí sử dụng đất Lợi thế về giá điện, nước phục vụ SX Lợi thế về chi phí vận chuyển
3. Chính sách địa phương Sự dễ dàng trong thủ tục hành chính công Công khai, minh bạch thông tin (dự án, chính sách) Trách nhiệm giải trình chính quyền đối với DN Tính linh động và đổi mới, điều chỉnh chính sách Sự quan tâm, hỗ trợ của chính quyền Lợi thế chính sách thu hút đầu tư của địa phương	6. Tiềm năng thị trường Tiềm năng để đa dạng hóa sản phẩm DL Tiềm năng phát triển SP DL đặc thù Khả năng liên kết sản phẩm DL Triển vọng phát triển thị trường DL

Nguồn: Tổng hợp các nghiên cứu và đề xuất của tác giả

3.2 Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu này dựa vào hai nguồn số liệu, gồm số liệu thứ cấp và sơ cấp. Trong đó, số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Du lịch và Cục thống kê tỉnh Quảng Bình. Đối với nguồn số liệu sơ cấp, tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc để tiến hành điều tra khảo sát ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và nhà đầu tư - là đại diện những doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Theo đó, tác giả tiếp cận phỏng vấn sâu 5 cán bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực du lịch và đầu tư tại Sở Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh Quảng Bình và 10 lãnh đạo doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch bao gồm 3 đại diện công ty dịch vụ lữ hành và 7 đại diện từ các cơ sở lưu trú. Vì nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích thứ bậc mờ (FAHP) dựa vào ý kiến đánh giá của những người am hiểu nên không yêu cầu cỡ mẫu lớn. Chẳng hạn, một nghiên cứu gần đây sử dụng phương pháp FAHP có quy mô cỡ mẫu khoảng từ 3 đến 23 [10, 11]. Vì vậy trong nghiên cứu này cỡ mẫu gồm có 15 người là có thể chấp nhận được. Phương pháp phỏng vấn trực tiếp được tác giả sử dụng thông qua bảng hỏi bán cấu trúc được xây dựng sẵn.

3.3 Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Trên cơ sở số liệu được thu thập, nghiên cứu tiến hành tổng hợp theo từng tiêu thức phù hợp với mục đích nghiên cứu để tiến hành xử lý và tóm tắt dữ liệu dưới dạng các biểu đồ, bảng thống kê.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích thứ bậc mờ FAHP để ước lượng trọng số ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình. FAHP được phát triển trên nền tảng phương pháp phân tích thứ bậc AHP (Analytic Hierarchy Process) [12]. AHP là công cụ phân tích được sử dụng rộng rãi trong việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề quyết định đa tiêu chí (yếu tố) phức tạp, và sự linh hoạt trong phân tích dữ liệu định tính và định lượng. Tuy nhiên, các ý kiến đánh giá của người trả lời (dữ liệu thu thập) thường bao hàm cả sự không chắc chắn và ẩn chứa sự nghi ngờ, do đó có thể ảnh hưởng đến tính chính xác của các kết quả đánh giá [12]. Để khắc phục được tình trạng này, các nhà nghiên cứu đã phát triển thêm phương pháp phân tích thứ bậc mờ FAHP trên cơ sở vận dụng lý thuyết số mờ tam giác (Triangular Fuzzy Number). Quy trình phân tích FAHP được thực hiện theo các bước như sau:

Bước 1. Thiết lập hệ thống thứ bậc: Thực chất của bước này là thiết lập thang điểm đánh giá so sánh theo từng cặp yếu tố. Theo Saaty, việc so sánh giữa từng cặp yếu tố có tính chất tương đối, do đó có thể được lượng hóa và đo lường bằng thang điểm từ 1 đến 9 [13] (Bảng 2).

Nếu gọi n là số yếu tố chính hoặc yếu tố phụ được đưa vào phân tích, khi đó số cặp yếu tố cần so sánh được tính theo công thức: $n(n-1)/2$. Với 6 yếu tố được đưa vào phân tích trong nghiên cứu này, sẽ thiết lập 15 cặp yếu tố được so sánh và tạo thành một ma trận so sánh yếu tố (criteria comparison Matrix) với kích thước 6×6 (6 hàng, 6 cột), và tương tự cho việc thiết lập các ma trận yếu tố phụ bên trong mỗi yếu tố chính, được viết dưới dạng công thức toán học:

$$A^{(k)} = [a_{ij}^k]_{n \times n} \quad (1)$$

Trong đó, $a_{ij}^{(k)}$ là điểm đánh giá của chuyên gia vấn đề k về việc so sánh yếu tố ở hàng i so với yếu tố ở cột j , với $k = 1, 2, 3, \dots, m$; và $i, j = 1, 2, 3, \dots, n$. Với 15 chuyên gia tham gia trả lời phỏng vấn sẽ có 15 ma trận so sánh cặp yếu tố. Điểm đánh giá ở ma trận tam giác dưới đường chéo là nghịch đảo điểm đánh giá ở ma trận tam giác phía trên đường chéo, với công thức tính:

$$a_{ji}^{(k)} = \frac{1}{a_{ij}^{(k)}} \quad (2)$$

Bước 2. Thiết kế bảng hỏi: Trong bước này, tác giả chuyển tải toàn bộ nội dung ở bước 1 dưới dạng bảng hỏi điều tra, với câu hỏi: Anh chị đánh giá như thế nào về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố dưới đây đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình, bằng cách so sánh từng cặp yếu tố dựa trên thang điểm cho trước.

Bảng 2. Thang điểm so sánh cặp yếu tố

Điểm/ Giá trị so sánh a_{ij}	Diễn giải
1	i và j có ảnh hưởng như nhau
3	i có ảnh hưởng hơn j ở mức không đáng kể
5	i có ảnh hưởng hơn j
7	i có ảnh hưởng nhiều hơn j
9	i có ảnh hưởng hơn một cách tuyệt đối so với j
2, 4, 6, 8	Mức trung gian giữa các mức nêu trên

Nguồn: Thang điểm Saaty đề xuất [13]

Bước 3. Thiết lập ma trận đối xứng mờ: Ở bước này, một ma trận đối xứng mờ được thiết lập dựa theo lý thuyết số mờ tam giác TFN. Theo đó, một số mờ tam giác có 3 giá trị, gồm: giá trị nhỏ nhất, giá trị trung bình (giữa) và giá trị lớn nhất. Theo nghiên cứu của Hsu và cs., 15 ma trận so sánh cặp sẽ được tích hợp thành một ma trận đối xứng dương mờ (fuzzy positive reciprocal matrix) [12].

Gọi \tilde{A} là ma trận đối xứng dương mờ với n yếu tố. Khi đó \tilde{A} được viết dưới dạng như sau:

$$\tilde{A} = [\tilde{a}_{ij}]_{n \times n} = \begin{bmatrix} 1 & \tilde{a}_{12} & \dots & \tilde{a}_{1n} \\ \tilde{a}_{21} & 1 & \dots & \tilde{a}_{2n} \\ \vdots & \vdots & \ddots & \vdots \\ \tilde{a}_{n1} & \tilde{a}_{n2} & \dots & 1 \end{bmatrix} \quad (3)$$

trong đó \tilde{a}_{ij} là một số mờ tam giác, được viết dưới dạng như sau:

$$\tilde{a}_{ij} = \begin{cases} [l_{ij}, m_{ij}, u_{ij}], & \text{if } i > j \\ [1, 1, 1] & \text{if } i = j \\ [\frac{1}{u_{ji}}, \frac{1}{m_{ji}}, \frac{1}{l_{ji}}], & \text{if } i < j \end{cases} \quad (4)$$

trong đó: l_{ij} – mức điểm so sánh thấp nhất; m_{ij} – mức điểm so sánh ở mức trung bình; u_{ij} – mức điểm so sánh cao nhất.

Để dễ hiểu, gọi $A^{(k)} = [a_{ij}^{(k)}]_{n \times n}$, $k = 1, 2, 3, \dots, m$: là ma trận so sánh cặp của chuyên gia thứ k . Khi đó, m ma trận so sánh cặp có thể được tích hợp thành một ma trận mờ sau đây:

$$\tilde{A} = [a_{ij}^{(k)}]_{n \times n} \quad (5)$$

trong đó:

$$\tilde{a}_{ij} = \left[\min_{1 \leq k \leq m} \{a_{ij}^{(k)}\}, \left(\prod_{k=1}^m a_{ij}^{(k)} \right)^{1/m}, \max_{1 \leq k \leq m} \{a_{ij}^{(k)}\} \right]$$

\tilde{a}_{ij} là một số mờ tam giác, $i = 1, 2, 3, \dots, n$; $j = 1, 2, 3, \dots, n$; và $k = 1, 2, 3, \dots, m$.

Bước 4. Kiểm tra tính nhất quán: Theo Buckley, để kiểm tra tính nhất quán (consistency test) của ma trận đối xứng dương mờ, cần chuyển đổi ma trận đối xứng dương mờ sang dạng ma trận rõ (Crisp Matrix) [14], cụ thể:

Số mờ $\tilde{a}_{ij} = (l_{ij}, m_{ij}, u_{ij})$ trong ma trận \tilde{A} có thể được khử mờ (defuzzify) theo dạng: $\tilde{a}_{ij} = (l_{ij} \times m_{ij} \times u_{ij})^{1/4}$, $i = 1, 2, 3, \dots, n$; $j = 1, 2, 3, \dots, n$. Việc kiểm tra tính nhất quán trên ma trận Crisp Matrix được thực hiện như quy trình AHP.

Để đạt được tính nhất quán trong quá trình đánh giá, đòi hỏi tỷ số nhất quán CR <10%. Công thức tính CR như sau:

$$CR = \frac{CI}{RI} \quad (6)$$

Trong đó, CI là chỉ số nhất quán (Consistency index); RI là chỉ số ngẫu nhiên (Random index).

$$CI = \frac{\lambda_{max} - n}{n - 1} \quad (7)$$

Trong đó, λ_{max} là giá trị riêng (eigen value) của ma trận so sánh; n là số yếu tố.

$$\lambda_{max} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^n \frac{w'_i}{w_i} \quad (8)$$

Trong đó, $w'_i = w_i \times [a_{ij}^{(k)}]_{n \times n}$; W_i là trọng số chuẩn hóa chính thức của yếu tố thứ i, khi đó W_i được tính bằng trung bình cộng của các trọng số yếu tố được chuẩn hóa tương đối (W_{ij}) theo hàng, thể hiện qua công thức:

$$W_i = \frac{\sum_{j=1}^n W_{ij}}{n} \quad (n \text{ là số yếu tố}) \quad (9)$$

W_{ij} được tính bằng công thức:

$$W_{ij} = \frac{a_{ij}^{(k)}}{\sum_{j=1}^n a_{ij}^{(k)}} \quad (10)$$

Trong đó: $a_{ij}^{(k)}$ đã được khử mờ theo dạng $a_{ij}^{(k)} = (l_{ij} \times m_{ij} \times u_{ij})^{1/4}$.

Chỉ số ngẫu nhiên RI tương ứng với số tiêu chuẩn (yếu tố) được cho sẵn theo Bảng 3.

Bảng 3. Chỉ số ngẫu nhiên tương ứng với số lượng nhân tố

n	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
RI	0	0	0,58	0,9	1,12	1,24	1,32	1,41	1,45	1,49

Nguồn: Saaty [13]

Bước 5. Tính toán và chuẩn hóa trọng số của các yếu tố: Từ ma trận đối xứng dương mờ, chúng ta có thể chuẩn hóa theo phương pháp trung bình nhân theo hàng NGMR (Normalization of the Geometric Mean of the Rows). Theo đó, giá trị trung bình nhân của số mờ tam giác của yếu tố thứ i được tính theo công thức:

$$\tilde{w}_i = \left(\prod_{j=1}^n \tilde{a}_{ij} \right)^{1/n} = \left[\left(\prod_{j=1}^n l_{ij} \right)^{1/n}, \left(\prod_{j=1}^n m_{ij} \right)^{1/n}, \left(\prod_{j=1}^n u_{ij} \right)^{1/n} \right], \quad i = 1, 2, \dots, n. \quad (11)$$

Từ đó, ta có:

$$\sum_{i=1}^n \tilde{w}_i = \left[\sum_{i=1}^n \left(\prod_{j=1}^n l_{ij} \right)^{1/n}, \sum_{i=1}^n \left(\prod_{j=1}^n m_{ij} \right)^{1/n}, \sum_{i=1}^n \left(\prod_{j=1}^n u_{ij} \right)^{1/n} \right] \quad (12)$$

Vì vậy, trọng số mờ của yếu tố thứ i được tính bằng công thức:

$$\tilde{W}_i = \tilde{w}_i / \sum_{i=1}^n \tilde{w}_i = \left[\frac{\left(\prod_{j=1}^n l_{ij} \right)^{1/n}}{\sum_{i=1}^n \left(\prod_{j=1}^n u_{ij} \right)^{1/n}}, \frac{\left(\prod_{j=1}^n m_{ij} \right)^{1/n}}{\sum_{i=1}^n \left(\prod_{j=1}^n m_{ij} \right)^{1/n}}, \frac{\left(\prod_{j=1}^n u_{ij} \right)^{1/n}}{\sum_{i=1}^n \left(\prod_{j=1}^n l_{ij} \right)^{1/n}} \right], \quad i = 1, 2, \dots, n. \quad (13)$$

Cho $\tilde{W}_i = [l_i^w, m_i^w, u_i^w]$, trong đó:

$$[l_i^w, m_i^w, u_i^w] = \left[\frac{\left(\prod_{j=1}^n l_{ij} \right)^{1/n}}{\sum_{i=1}^n \left(\prod_{j=1}^n u_{ij} \right)^{1/n}}, \frac{\left(\prod_{j=1}^n m_{ij} \right)^{1/n}}{\sum_{i=1}^n \left(\prod_{j=1}^n m_{ij} \right)^{1/n}}, \frac{\left(\prod_{j=1}^n u_{ij} \right)^{1/n}}{\sum_{i=1}^n \left(\prod_{j=1}^n l_{ij} \right)^{1/n}} \right], \quad i = 1, 2, \dots, n. \quad (14)$$

Để khử mờ trọng số \tilde{W}_i thành W_i , nghiên cứu này sử dụng chỉ số Yager [15], cụ thể: $W_i = (l_i^w + 2m_i^w + u_i^w)/4$. Cuối cùng, W_i được chuẩn hóa bằng công thức sau:

$$\omega_i = W_i / \sum_{i=1}^n W_i, \quad i = 1, 2, \dots, n \quad (15)$$

Việc xử lý số liệu và tính toán các đại lượng thống kê và toán học theo phương pháp FAHP được tác giả thực hiện trên Chương trình Excel thông dụng.

4 Kết quả nghiên cứu

4.1 Tình hình thu hút vốn đầu tư phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình

Theo số liệu báo cáo từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình, trong giai đoạn 2015–2020, có 71 dự án (DA) đầu tư của các doanh nghiệp trong nước vào lĩnh vực du lịch, chiếm 13,6% tổng số dự án đầu tư của các doanh nghiệp trong nước vào tất cả các lĩnh vực trên địa bàn toàn tỉnh. Bình quân chung trong giai đoạn 2015–2020 có khoảng 12 dự án đăng ký đầu tư vào lĩnh vực du lịch. Tuy nhiên, nếu quan sát từng năm cho thấy số lượng dự án đăng ký đầu tư vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình tăng trưởng không đều qua các năm, cụ thể: trong năm 2016 ghi nhận số dự án đăng ký đầu tư vào lĩnh vực du lịch là nhiều nhất (32 dự án), nhưng đến năm 2017 chỉ có 3 dự án, năm 2018 có tăng lên (17 dự án) và đến năm 2019 chỉ có 8 dự án và 9 dự án được đăng ký trong năm 2020. Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình vẫn chưa có dự án du lịch đến từ nhà đầu tư nước ngoài.

Tổng vốn đăng ký đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn 2015–2020 (tổng cộng từ giá trị vốn đăng ký đầu tư hàng năm) là 18.369,57 tỷ đồng, chiếm gần 70% tổng vốn đăng ký đầu tư vào tất cả các lĩnh vực ở trên địa bàn toàn tỉnh. Quy mô vốn đầu tư đăng ký bình quân hàng năm trong giai đoạn này là 3.061,59 tỷ đồng và bình quân 1 dự án là 258,73 tỷ đồng.

Bảng 4. Số lượng dự án và quy mô vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong nước vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2015–2020

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Bình quân
1. Tổng số Dự án	23	132	103	105	67	92	87
Số DA du lịch	2	32	3	17	8	9	12
Tỷ lệ % số DA du lịch	8,70	24,24	2,91	16,19	11,94	9,78	13,6
2. Tổng vốn	1.072,14	12.665,73	5.986,61	3.546,60	3.085,47	6.639	5499,3
Lĩnh vực du lịch	13,25	9.688,70	3.888	2.190	2.584,62	5	2696,6
Vốn đầu tư bình quân 1 DA	6,63	302,77	1.296,00	128,82	323,08	0,56	227,9
Tỷ lệ % vốn đầu tư du lịch	1,24	76,50	64,94	61,75	83,77	75,25	2,9

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình

4.2 Kết quả ước lượng trọng số ảnh hưởng của các yếu tố

Kết quả xử lý số liệu cho thấy, tỷ số CR của các yếu tố chính và yếu tố phụ đều nhỏ hơn 10%, điều này giúp chúng ta có đủ cơ sở để kết luận rằng, kết quả so sánh, đánh giá của các chuyên gia tham gia trả lời phỏng vấn về các cặp yếu tố đảm bảo tính nhất quán, tức là dữ liệu đánh giá hoàn toàn phù hợp cho việc phân tích thứ bậc.

Tổng hợp trọng số ảnh hưởng của các yếu tố chính cho thấy, vị trí địa lý và tài nguyên có trọng số ảnh hưởng lớn nhất (chiếm 33,2%) trong số 6 yếu tố chính được đưa vào phân tích (Bảng 5). Trong đó, yếu tố đất đai và vị trí địa lý là 2 tiêu chí (yếu tố phụ) được các chuyên gia đánh giá là có ảnh hưởng lớn nhất. Một yếu tố khác cũng được các chuyên gia đánh giá có ảnh hưởng lớn đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp du lịch tại Quảng Bình đó là nhân lực du lịch, với trọng số ảnh hưởng chiếm 27,9 % trong số 6 yếu tố được đưa vào phân tích nghiên cứu. Trong đó, khả năng cung ứng lao động có tay nghề được đánh giá là ảnh hưởng lớn nhất, với trọng số chiếm 69,5% trong số 3 yếu tố phụ cấu thành nên yếu tố nhân lực du lịch. Bên cạnh đó, sự dễ dàng trong tuyển dụng lao động du lịch cũng được đánh giá ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp du lịch tại Quảng Bình (chiếm 20,7%).

Tiềm năng thị trường là một trong 3 yếu tố được các chuyên gia đánh giá có tầm ảnh hưởng tương đối lớn đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp du lịch, với trọng số ảnh hưởng chiếm

14,9% trong 6 yếu tố được đưa vào phân tích trong nghiên cứu này. Trong đó, khả năng liên kết sản phẩm du lịch và triển vọng phát triển thị trường du lịch là những yếu tố luôn được các nhà đầu tư quan tâm, cân nhắc trước khi quyết định đầu tư.

Bảng 5. Kết quả ước lượng trọng số ảnh hưởng của các yếu tố bằng phương pháp FAHP

Yếu tố chính			Yếu tố phụ				
Tên yếu tố	Tỷ số nhất quán (CR)	Trọng số ảnh hưởng W1	Tên yếu tố	Tỷ số nhất quán (CR)	Trọng số ảnh hưởng W2	Trọng số ảnh hưởng chung Wj=W1 × W2	Thứ hạng chung
Vị trí địa lý và tài nguyên	0,035	0,332	Vị trí địa lý của địa phương	0,027	0,268	0,089	3
			Điều kiện thời tiết, khí hậu	0,011	0,054	0,018	15
			Điều kiện đất đai mở rộng cơ sở KD du lịch	0,028	0,471	0,156	2
			Khả năng tiếp cận nguồn tài nguyên du lịch	0,009	0,206	0,068	5
Cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội	0,006	0,083	CSHT giao thông du lịch (sân bay, đường sá)	0,033	0,529	0,044	7
			Hệ thống CSHT (điện, nước, viễn thông, NH)	0,002	0,057	0,005	25
			Nguồn cung ứng nguyên liệu cho SX/KDDL	0,014	0,127	0,011	20
			Vấn đề an ninh, an toàn điểm đến	0,018	0,286	0,024	13
Chính sách địa phương	0,009	0,099	Sự dễ dàng trong thủ tục hành chính công	0,019	0,406	0,040	8
			Công khai, minh bạch thông tin (DA, chính sách)	0,007	0,040	0,004	26
			Trách nhiệm giải trình chính quyền đối với DN	0,006	0,099	0,010	21
			Tính linh động và đổi mới, điều chỉnh chính sách	0,018	0,264	0,026	12
			Sự quan tâm, hỗ trợ của chính quyền	0,007	0,128	0,013	17
			Lợi thế chính sách thu hút đầu tư của ĐP	0,003	0,062	0,006	23

Yếu tố chính			Yếu tố phụ				Thứ hạng chung
Tên yếu tố	Tỷ số nhất quán (CR)	Trọng số ảnh hưởng W1	Tên yếu tố	Tỷ số nhất quán (CR)	Trọng số ảnh hưởng W2	Trọng số ảnh hưởng chung $W_j = W1 \times W2$	
Nhân lực du lịch	0,020	0,279	Khả năng cung ứng lao động có tay nghề	0,031	0,695	0,194	1
			Khả năng cung ứng lao động phổ thông	0,004	0,097	0,027	11
			Sự dễ dàng trong tuyển dụng LĐ du lịch	0,010	0,207	0,058	6
Lợi thế về chi phí	0,011	0,058	Lợi thế về chi phí lao động	0,019	0,120	0,007	22
			Lợi thế về giá các yếu tố nguyên liệu đầu vào	0,051	0,217	0,013	18
			Lợi thế về chi phí sử dụng đất	0,043	0,203	0,012	19
			Lợi thế về giá điện, nước phục vụ SX	0,024	0,103	0,006	24
			Lợi thế về chi phí vận chuyển	0,042	0,358	0,021	14
Tiềm năng thị trường	0,028	0,149	Tiềm năng để đa dạng hóa sản phẩm DL	0,006	0,188	0,028	10
			Tiềm năng phát triển sản phẩm DL đặc thù	0,014	0,093	0,014	16
			Khả năng liên kết sản phẩm du lịch	0,026	0,478	0,071	4
			Triển vọng phát triển thị trường du lịch	0,023	0,240	0,036	9

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra

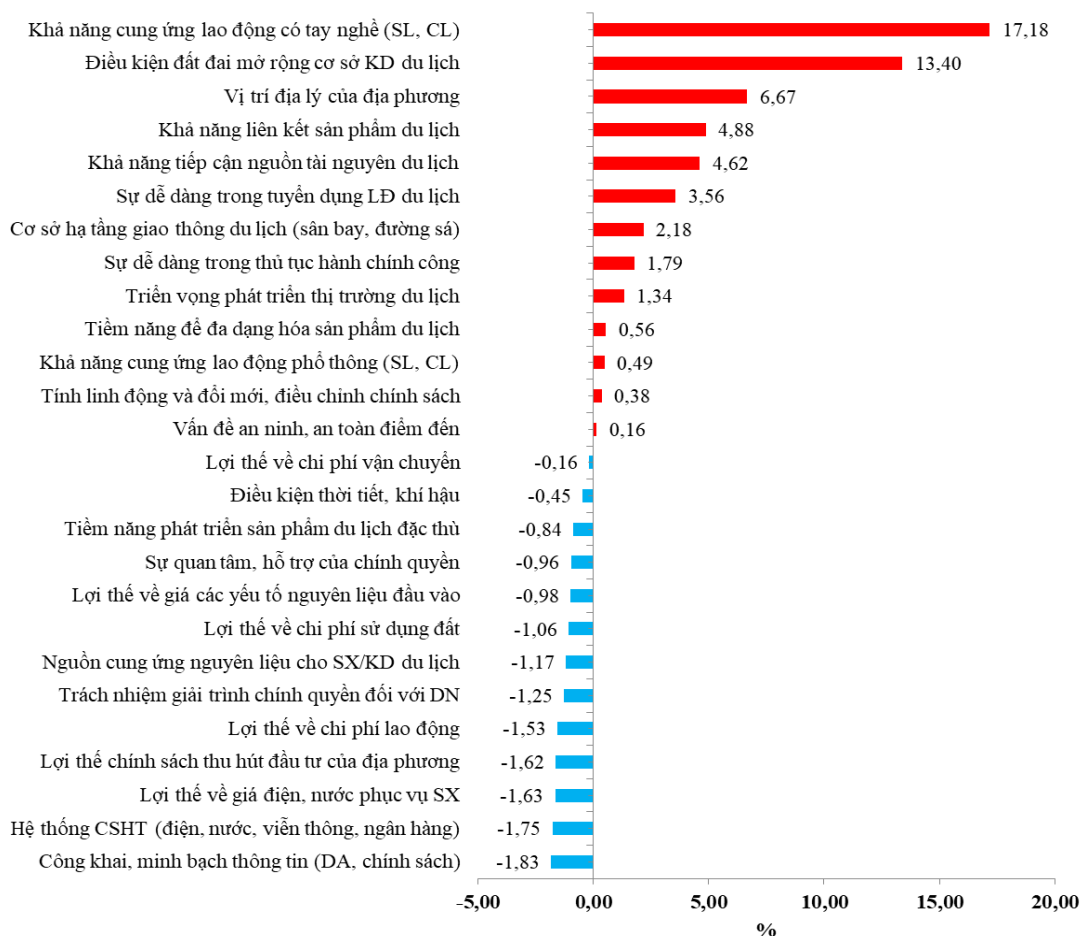
Trên cơ sở kết quả ước lượng trọng số ảnh hưởng của yếu tố chính và các yếu tố phụ, tác giả đã tính toán, tổng hợp và xếp hạng chung về trọng số ảnh hưởng của 26 yếu tố phụ, đồng thời kết hợp phân tích khoảng cách giữa trọng số ảnh hưởng chung của từng yếu tố với mức trung vị (Median) trọng số của 26 yếu tố (Hình 1). Kết quả cho thấy có 13 yếu tố được đánh giá là ảnh hưởng lớn đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình (đây là những yếu tố có trọng số ảnh hưởng lớn hơn mức trung vị của 26 yếu tố). Phần lớn các yếu tố này phản ánh nguồn nhân lực du lịch, vị trí địa lý và tài nguyên du lịch, tiềm năng thị

trường du lịch, thủ tục hành chính công và cơ sở hạ tầng giao thông phục vụ du lịch. Điều này hoàn toàn trùng hợp với kết quả nghiên cứu của Chou và cs. [5], Liu và cs. [7].

Khả năng cung ứng lao động có tay nghề là yếu tố có mức độ ảnh hưởng lớn nhất đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp du lịch (chiếm khoảng 17,18%); tiếp đến là yếu tố “Điều kiện đất đai mở rộng cơ sở kinh doanh du lịch” chiếm 13,4%. Kết quả đánh giá của các chuyên gia về 2 yếu tố này đã phản ánh khá đúng thực trạng hiện nay tại tỉnh Quảng Bình. Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch ở tỉnh Quảng Bình hiện nay gặp nhiều khó khăn trong tuyển dụng lao động có trình độ tay nghề. Một phần nguyên nhân là lực lượng lao động này rất ít trở về địa phương để làm việc sau khi tốt nghiệp từ các cơ sở đào tạo uy tín ngoài tỉnh Quảng Bình. Trong khi đó, Quảng Bình đang thiếu những cơ sở đào tạo chuyên sâu nhằm đảm bảo khả năng cung ứng các sản phẩm đào tạo chất lượng cho các doanh nghiệp. Đặc biệt, một bộ phận lao động làm việc trong các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trước đây đã chuyển đổi nghề nghiệp do tác động của đại dịch Covid-19.

Mặt khác, một trong những đặc điểm của ngành kinh doanh dịch vụ du lịch là nhu cầu sử dụng đất tương đối lớn (chủ yếu là kinh doanh dịch vụ lưu trú, điểm đến thăm quan, nghỉ dưỡng), nhưng hầu hết quỹ đất ở các trung tâm du lịch của các địa phương hiện nay nói chung và tỉnh Quảng Bình nói riêng đang dần bị hạn chế và khan hiếm, dẫn đến giá đất ngày càng tăng nhanh, do đó các nhà đầu tư gặp rất nhiều khó khăn trong tiếp cận đất đai để làm mặt bằng kinh doanh.

Xếp ở vị trí thứ 3 là yếu tố “Vị trí địa lý của địa phương”, với trọng số chiếm 6,67% trong tổng số 26 yếu tố phụ. Ngoài ra, các yếu tố như khả năng liên kết sản phẩm du lịch, khả năng tiếp cận nguồn tài nguyên du lịch, sự dễ dàng trong tuyển dụng lao động, cơ sở hạ tầng giao thông, thủ tục hành chính công, triển vọng phát triển thị trường du lịch, tiềm năng đa dạng hóa sản phẩm du lịch, chính sách thu hút đầu tư và vấn đề an ninh, an toàn điểm đến là những yếu tố cũng được đánh giá là có mức độ ảnh hưởng tương đối lớn đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình.



Hình 1. Khoảng cách giữa trọng số ảnh hưởng chung của từng yếu tố với mức trung vị trọng số của 26 yếu tố được đưa vào phân tích

Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả

5 Kết luận và gợi ý chính sách

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là một trong những quan điểm và mục tiêu đã được nêu rõ trong Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình. Để đạt được mục tiêu này, Quảng Bình cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau,

trong đó hoàn thiện môi trường đầu tư là một trong những giải pháp có ý nghĩa quan trọng để thu hút các nhà đầu tư chất lượng và có khả năng tạo ra những đột phá mới trong phát triển ngành du của địa phương. Tuy nhiên, việc nhận diện, xác định những yếu tố nổi trội cấu thành môi trường đầu tư và có tầm ảnh hưởng lớn đến quyết định của nhà đầu tư là vấn đề cần được nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện, làm cơ sở xây dựng các giải pháp phù hợp, thiết thực và hiệu quả.

Vận dụng phương pháp phân tích thứ bậc mờ FAHP để lượng hóa trọng số ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra phần lớn những yếu tố bên trong môi trường đầu tư của tỉnh Quảng Bình (yếu tố thuộc về địa phương tiếp nhận đầu tư) có sự ảnh hưởng mạnh đến khả năng thu hút vốn đầu tư phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình. Điều này đòi hỏi tỉnh Quảng Bình cần có các chính sách can thiệp thích hợp nhằm hoàn thiện môi trường đầu tư và nâng cao khả năng thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực du lịch tại địa phương trong thời gian tới theo những gợi ý chủ yếu sau đây:

Trước hết, tỉnh Quảng Bình cần kiên quyết xử lý, thu hồi những dự án chậm tiến độ hoặc đã cấp phép nhưng không đầu tư, từ đó điều chỉnh lại quy hoạch gắn với việc cải tạo, chỉnh trang hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các vùng quy hoạch nhằm tạo quỹ đất và mặt bằng để thu hút các nhà đầu tư mới có năng lực và chất lượng.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là giải pháp then chốt nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, đóng góp vào sự phát triển của các doanh nghiệp và ngành du lịch của tỉnh mang tính bền vững. Điều quan trọng hơn hết là các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh cần chủ động đổi mới với đơn vị sử dụng lao động, hợp tác liên kết với cộng đồng tổ chức, doanh nghiệp trong đào tạo, bao gồm việc xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập nghề nghiệp đến tiếp nhận làm việc sau đào tạo. Cần tạo nguồn lao động cho lĩnh vực du lịch, gồm phát triển nguồn nhân lực trong nội bộ tỉnh và thu hút lao động giỏi và có tay nghề từ bên ngoài đến làm việc tại Quảng Bình.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính công theo hướng cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính không cần thiết nhằm rút ngắn thời gian giải quyết đối với tất cả các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư, nhất là các thủ tục liên quan đến cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng, thủ tục khai báo và nộp thuế.

Tài liệu tham khảo

1. Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Bình (2005), *Nghiên cứu phát triển các loại hình du lịch, để hình thành các tour du lịch dài ngày, nội tỉnh, thúc đẩy du lịch, dịch vụ Quảng Bình phát triển*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh.
2. Cục thống kê tỉnh Quảng Bình (2021), *Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình 2020*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
3. Tỉnh ủy Quảng Bình (2020), *Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, giai đoạn 2021–2025*, Số 01-CTr/TU ngày 09/12/2020, Quảng Bình.
4. Feng Li, Jing Li (1999), *The Foreign Investment Environment in China: The Soft Environment*, Publisher: Palgrave Macmillan UK.
5. Chou, T. Y., Hsu, C. L. & Chen, M. C. (2008), A fuzzy multi-criteria decision model for international tourist hotels location selection, *International journal of hospitality management*, 27(2), 293–301.
6. Elroy Joseph C. Valdez (2019), Investment climate of tourism industry in calabarzon: Inputs to business operations initiatives, *International Journal of Research - Granthaalayah*, 7(4), 51–67.
7. Liu, D. Y., Fang, C.Y. (2020), Key Factors of Investment Decision on Integrated Resort Attractions, *Journal of Applied Finance & Banking*, 10(1), 203–219.
8. Tien, N. H., Hau, T. H., Thai, T. M., Vinh, P. T. & Long, N. V. T. (2019), Solutions for attracting FDI into Tuyen Quang and Binh Phuoc tourism industry, Comparative Analysis, *International Journal of Research in Marketing Management and Sale*, 2(1), 113–9.
9. Huyen, L. H. B. & Phuong, N. T. T. (2019), *Solutions to Attract Investment Capital for Tourism Development: Case Study of Thanh Hoa Province, Vietnam*, paper presented to 9th Global Conference on Business and Social Sciences.
10. Najmi, A., Kanapathy, K. & Aziz, A. A. (2019), Prioritising factors influencing consumers' reversing intention of e-waste using analytic hierarchy process, *International Journal of Electronic Customer Relationship Management*, 12(1), 58–74.
11. Darko, A., Chan, P. C., Ameyaw, E. E., Owusu, E. K., Pärn, E. & Edwards, D. J. (2019), Review of application of analytic hierarchy process (AHP) in construction, *International journal of construction management*, 19(5), 436–52.

12. Hsu, W. K., Huang, S. H. (2014), Evaluating the service requirements of Taiwanese international port distribution centers using IPA model based on fuzzy AHP, *Int. J. Shipping Transport Logist*, 6(6), 632–651.
13. Saaty, T. L. (1980), *The Analytic Hierarchy Process*, New York: McGraw-Hill Companies.
14. Buckley, J. J. (1985), *Fuzzy Hierarchical Analysis*, *Fuzzy Sets Syst*, 17(3), 233–247.
15. Yager, R. R. (1981), A procedure for ordering fuzzy subsets of the unit interval., *Inf. Sci.*, 24, 143–161.